

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/ 01/ 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Tòng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Hoàng;

- Bà Huỳnh Thị Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Chau Rết, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2017, về việc “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 8, khóm X, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 8, khóm X, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh An Giang.

Anh Phan Ngọc T có mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Ngọc T trình bày: Năm 2000, anh T và chị N quen biết nhau, tự tìm hiểu và yêu thương nhau. Được gia đình hau bên đồng ý nên đã tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, năm 2015, phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị N.

Trong thời gian chung sống, anh Phan Ngọc T và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung tên Phan Thị Hồng N, sinh ngày 26/5/2005. Hiện đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ chi Nguyễn Thị N lên lấy lời khai, hòa giải về con chung, cũng như xét xử vụ án. Nhưng chị Nguyễn Thị N không đến, do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy anh Phan Ngọc T và chị Nguyễn Thị N tự tìm hiểu và sống chung với nhau năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Đồng thời cũng phù hợp với các biên bản xác minh của Tòa án. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh T và chị N là vợ chồng.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh Phan Ngọc T và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung tên Phan Thị Hồng N, sinh ngày 26/5/2005, hiện đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Phan Thị Hồng N cũng có ý kiến thể hiện muốn sống chung với anh T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của cháu N. Ngoài ra, anh Thuận không có yêu cầu chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi dạy con chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Phan Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Đồng thời, chị Nguyễn Thị N cư trú trên địa bàn huyện TB. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Nguyễn Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, khóm X, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh An Giang; nhưng đã bỏ khởi địa phương không biết đi đâu theo biên bản xác minh Công an nhân dân thị trấn TB ngày 17/8/2017. Do đó, tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ hai lần, nhưng chị Na vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### *[2] Về nội dung:*

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phan Ngọc T trình bày anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn là phù hợp với biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB ngày 17/8/2017. Nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử không công nhận anh Phan Ngọc T và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, anh Phan Ngọc T có yêu cầu nuôi dạy con chung tên Phan Thị Hồng N, yêu cầu của anh T phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cháu N theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/8/2017. Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi cháu N của anh T. Đồng thời anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi dạy con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Phan Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung, anh Phan Ngọc T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí, anh Phan Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận anh Phan Ngọc T và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Anh Phan Ngọc T được tiếp tục nuôi dạy con chung Phan Thị Hồng N, sinh ngày 26/5/2005. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng cho anh T nuôi dạy con chung.

Anh Phan Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ, cá nhân, tổ chức, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Anh Phan Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB theo biên lai thu số TU/2015/0015706 ngày 27 tháng 6 năm 2017 thành án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Ngọc T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị N là 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

**Võ Thanh Tòng**